

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 14-3-2024  
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

*- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Cẩm Loan.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Đặng Thế Ứng

2/ Bà Đặng Thị Tiềm

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Tuấn Tín - *Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy tỉnh Tiền Giang.*

Ngày 14 tháng 3 năm 2024 Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 12/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị Mộng T**, sinh năm 1993;

Địa chỉ: ấp D (ấp H), xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Anh **Huỳnh Đức T1**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: khu phố M, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị T có mặt; anh T1 có đơn xin vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 22-11-2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Lê Thị Mộng T trình bày:

Chị Lê Thị Mộng T và anh Huỳnh Đức T1 tự nguyện chung sống từ năm 2021, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Từ khi kết hôn, chị T và anh T1 chung sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không thể hòa hợp

nên chị T không còn chung sống với anh T1. Mặc dù, chị T và anh T1 đã nhiều lần hòa giải mong hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh T1.

Về con chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Quá trình giải quyết vụ án bị đơn Huỳnh Đức T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T1 không có văn bản trình bày ý kiến, không tham gia phiên hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

\* *Tại phiên tòa,*

Nguyên đơn chị Lê Thị Mộng T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn Huỳnh Đức T1 có đơn xin vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Lê Thị Mộng T yêu cầu ly hôn với bị đơn Huỳnh Đức T1 có nơi cư trú tại khu phố M, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy tỉnh Tiền Giang theo qui định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T1 có đơn xin vắng mặt, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T1.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Mộng T và anh Huỳnh Đức T1 xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2021 là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời khai của chị Lê Thị Mộng T về nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, tài sản chung, nợ chung. Tòa án đã thông báo cho anh Huỳnh Đức T1 được biết nhưng anh T1 không có ý kiến phản đối. Do vậy, căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định các tình tiết nêu trên là sự thật.

Xét quá trình sống chung, chị T và anh T1 sống không hạnh phúc, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Chị T cho rằng tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T1 không còn nên không thể sống chung được nữa. Tòa án tổ chức hòa giải tạo điều kiện cho chị T và anh T1 đoàn tụ nhưng anh T1 không tham gia hòa giải. Điều đó chứng tỏ anh T1 cũng không quan tâm đến cuộc sống vợ chồng, không có thiện chí hàn gắn, thể hiện tình cảm giữa chị T và anh T1 không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Mộng T.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí thì chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH :**

*- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;*

*- Căn cứ các Điều 51 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình;*

*- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí;*

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Mộng T.

1/ Về hôn nhân: Chị Lê Thị Mộng T được ly hôn với anh Huỳnh Đức T1.

2/ Về án phí: Nguyên đơn Lê Thị Mộng T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chị đã tạm nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004643 ngày 02-01-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, do đó xem như đã nộp xong án phí.

3/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có

quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Chi Cục THADS thị xã C, TG;
- UBND phường N, huyện C, TG;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Bùi Thị Cẩm Loan**